

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HS-ST

Ngày: 10-6-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Gấm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Định.

Bà Phạm Thị Kim Lệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST - HS ngày 30 tháng 5 năm 2024; đối với bị cáo:

*Nguyễn Văn X, sinh năm 1990 tại Nam Định.*

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Cựu Hào, xã Vĩnh Hào, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Nguyễn Văn Tá (Đã chết); con bà: Vũ Thị Na, sinh năm 1967; có vợ là Bùi Thị Thìn, sinh năm 2000 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06-3-2024 đến ngày 12-3-2024 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1- Anh Đỗ Tiến D; sinh ngày 05-3-2006; cư trú tại: Thôn Cựu Hào, xã Vĩnh Hào, huyện V, tỉnh Nam Định.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam X Hà; Địa chỉ: Xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt).

2- Anh Lê Sơn T; sinh năm 2001 cư trú tại: Thôn Cự Hào, xã Vĩnh Hào, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

Ông Phạm Thanh Vân (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn ra tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 12 năm 2023, Nguyễn Văn X đã cho các anh Đỗ Tiến D và Lê Sơn T vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 90.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 4000 đồng đến 5000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương 144% đến 180%/1 năm) cao gấp từ 7,2 lần đến 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính (theo quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay). Khi cho các anh D và T vay tiền thì X, D, T thoả thuận về cách trả lãi như sau: Một tháng trả lãi một lần và bên vay phải trả tiền lãi trước hạn một tháng, không xác định thời hạn trả tiền gốc, việc trả tiền lãi và tiền vay được giao dịch trực tiếp với nhau hoặc thông qua tài khoản ngân hàng của X và tài khoản ngân hàng của anh D, anh T. Từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 12 năm 2023 thì X đã cho anh D, anh T vay với lãi suất cao, cụ thể như sau:

1- Anh Đỗ Tiến D vay tiền của X 02 lần gồm:

**Lần 1:** Đầu tháng 6 năm 2022 anh D trực tiếp gặp X vay số tiền 6.000.000 đồng, với mức lãi suất 5000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 180%/01 năm, cao gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự. Anh D và X thống nhất trả tiền lãi theo tháng, mỗi tháng 900.000 đồng, tại thời điểm vay thì anh D chỉ nhận được 5.100.000 đồng. Từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 12 năm 2023, anh D đã trả tiền lãi cho X 18 tháng với số tiền 16.200.000 đồng, tính cả số tiền X đã trừ, thu lãi ngay từ lúc cho vay thì số tiền lãi X đã thu được của anh D ở khoản vay này là 17.100.000 đồng. Từ tháng 01 năm 2024 đến thời điểm bị Công an phát hiện, do anh D chuẩn bị tham gia nghĩa vụ Quân sự nên anh D và X thống nhất anh D không phải trả tiền lãi hàng tháng nữa mà chỉ trả hết số tiền gốc cho X. Tuy nhiên đến thời điểm bị cơ quan Công an phát hiện thì anh D vẫn chưa trả được khoản tiền vay gốc cho X. Tổng tiền lãi hợp pháp mà anh D phải trả cho X theo quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự của khoản vay này là 1.800.000 đồng. Với lần vay này X thu lợi bất chính số tiền 15.300.000 đồng.

**Lần 2:** Ngày 20-3-2023, anh D vay của X số tiền 4.000.000 đồng, với mức lãi suất 5000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với 180%/1 năm, cao gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự, anh D và X thống nhất trừ, thu luôn tiền lãi 600.000 đồng, tại thời điểm vay tiền anh D chỉ nhận lại được

số tiền 3.400.000 đồng. Từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023, anh D đã trả cho X 09 tháng tiền lãi với số tiền là 5.400.000 đồng, tính cả số tiền X đã trừ, thu lãi ngay từ lúc cho vay thì số tiền lãi X đã thu được của anh D ở khoản vay này là 6.000.000 đồng. Từ tháng 01 năm 2024 đến thời điểm bị Cơ quan công an phát hiện do anh D chuẩn bị tham gia nghĩa vụ Quân sự nên anh D và X thống nhất: anh D không phải trả tiền lãi hằng tháng nữa mà chỉ phải trả tiền gốc cho X. Tổng tiền lãi hợp pháp anh D phải trả cho X theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự của khoản vay này là: 600.000 đồng. Với lần vay này X thu lợi bất chính số tiền 5.400.000 đồng.

Tổng số tiền anh D vay của X là 10.000.000 đồng, đến thời điểm bị phát hiện thì anh D chưa trả được và hiện còn nợ X 10.000.000 đồng tiền gốc, tổng số tiền lãi mà D đã trả được cho X là 23.100.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính X đã thu được của anh D là 20.700.000đ.

## 2. Anh Lê Sơn T vay tiền của X 08 lần gồm:

**Lần 1:** Ngày 09-3-2023, anh T vay của X số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 144%/1 năm, cao gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự. Anh T và X thống nhất trả tiền lãi theo tháng, mỗi tháng trả lãi 1.200.000 đồng. Khi anh T vay tiền thì X đã trừ, thu luôn tiền lãi 1.200.000 đồng và chuyển lại cho anh T 8.800.000 đồng. Từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 7 năm 2023, anh T đã trả tiền lãi cho X 04 tháng, được số tiền 4.800.000 đồng, tính cả số tiền X đã trừ, thu lãi ngay từ lúc cho vay thì số tiền lãi X đã thu được của anh T ở khoản vay này là 6.000.000 đồng. Từ tháng 8 năm 2023 đến thời điểm bị cơ quan công an phát hiện anh T đã trả hết số tiền gốc cho X. Tổng số tiền lãi hợp pháp anh T phải trả cho X theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự của khoản vay này là 666.680 đồng, lần vay này X thu lợi bất chính của anh T số tiền 5.333.320 đồng.

**Lần 2:** Ngày 20-3-2023, anh T vay của X số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày tương đương 144%/1 năm, cao gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự. Anh T và X thống nhất trả tiền lãi theo tháng, mỗi tháng trả lãi 1.200.000 đồng. Khi anh T vay tiền thì X đã trừ, thu luôn tiền lãi 1.200.000 đồng và chuyển lại cho anh T 8.800.000 đồng. Từ tháng 3/2023 đến tháng 4/2023, anh T đã trả tiền lãi cho X 01 tháng, được số tiền 1.200.000 đồng, tính cả số tiền X đã trừ, thu lãi ngay từ lúc cho vay thì số tiền lãi X đã thu được của anh T ở khoản vay này là 2.400.000 đồng. Ngày 14/4/2023, anh T đã chuyển khoản trả tiền gốc cho X số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi hợp pháp anh T phải trả cho X theo quy định tại điều 468 của Bộ luật Dân sự của khoản vay này là 167.000 đồng, lần vay này X thu lợi bất chính của anh T số tiền 2.233.000 đồng.

**Lần 3:** Ngày 17-4-2023, anh T vay của X số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 144%/1 năm, cao gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự. Anh T và X thống nhất trả tiền lãi theo tháng, mỗi tháng trả lãi 1.200.000 đồng. Khi anh T vay tiền thì X đã trừ, thu luôn tiền lãi 1.200.000 đồng và chuyển lại cho anh T 8.800.000 đồng. Từ tháng 4-2023 đến tháng 7-2023, anh T đã trả tiền lãi cho X 03 tháng, được số tiền 3.600.000 đồng, tính cả số tiền X đã trừ, thu lãi ngay từ lúc cho vay thì số tiền lãi X đã thu được của anh T ở khoản vay này là 4.800.000 đồng. Từ tháng 8-2023 đến thời điểm bị cơ quan công an phát hiện anh T đã trả hết số tiền gốc cho X. Tổng số tiền lãi hợp pháp anh T phải trả cho X theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự của khoản vay này là 500.000 đồng, lần vay này X thu lợi bất chính của anh T số tiền 4.300.000 đồng.

**Lần 4:** Ngày 21-4-2023, anh T vay của X số tiền 5.000.000 đồng, với mức lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 144%/1 năm, cao gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự. Anh T và X thống nhất trả tiền lãi theo tháng, mỗi tháng 600.000 đồng. Khi anh T vay tiền thì X đã trừ, thu luôn tiền lãi 600.000 đồng và chuyển lại cho anh T 4.400.000 đồng. Từ tháng 4/2023 đến tháng 7-2023, anh T đã trả tiền lãi cho X 03 tháng, được số tiền 1.800.000 đồng, tính cả số tiền X đã cắt lãi ngay từ lúc cho vay thì số tiền lãi X đã thu được của anh T ở khoản vay này là 2.400.000 đồng. Từ tháng 8-2023 đến khi bị Cơ quan công an phát hiện anh T đã trả hết số tiền gốc cho X. Tổng số tiền lãi hợp pháp anh T phải trả cho X theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự của khoản vay này là 250.000 đồng, với lần vay này X thu lợi bất chính của anh T số tiền 2.150.000 đồng.

**Lần 5:** Ngày 28-8-2023, anh T vay của X số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 144%/1 năm, cao gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự. Anh T và X thống nhất trả tiền lãi theo tháng, mỗi tháng 1.200.000 đồng. Khi anh T vay tiền thì X đã trừ, thu luôn tiền lãi 1.200.000 đồng và chuyển lại cho anh T 8.800.000 đồng. Từ tháng 8/2023 đến tháng 10-2023, anh T đã trả tiền lãi cho X 02 tháng, được số tiền 2.400.000 đồng, tính cả số tiền X đã trừ, thu lãi ngay từ lúc cho vay thì số tiền lãi X đã thu được của anh T ở khoản vay này là 3.600.000 đồng. Từ tháng 11-2023 đến khi bị phát hiện X và anh T thống nhất, anh T không phải trả tiền lãi hàng tháng nữa mà chỉ trả hết tiền gốc cho X. Tuy nhiên đến nay anh T vẫn chưa trả được số tiền gốc của khoản vay này cho X. Tổng số tiền lãi hợp pháp anh T phải trả cho X theo quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự của khoản vay này là 333.340 đồng. Với lần vay này X thu lợi bất chính của anh T số tiền 3.266.660 đồng.

**Lần 6:** Ngày 31-8-2023, anh T vay của X số tiền 20.000.000 đồng, với mức lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 144%/1 năm, cao gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự. Anh T và X thống nhất trả tiền lãi theo tháng, mỗi tháng trả lãi 2.400.000 đồng. Khi anh T vay tiền thì X đã trừ, thu luôn tiền lãi 2.400.000 đồng và chuyển lại cho anh T 17.600.000 đồng. Từ tháng 8-2023 đến tháng 10-2023, anh T đã trả tiền lãi cho X 02 tháng, được số tiền 4.800.000 đồng, tính cả số tiền X đã trừ, thu lãi ngay từ lúc cho vay thì số tiền lãi X đã thu được của anh T ở khoản vay này là 7.200.000 đồng. Từ tháng 11-2023 đến khi bị phát hiện X và anh T thống nhất, anh T không phải trả tiền lãi hàng tháng nữa mà chỉ trả hết tiền gốc cho X. Tuy nhiên đến nay anh T vẫn chưa trả được khoản tiền vay gốc này cho X. Tổng số tiền lãi hợp pháp anh T phải trả cho X theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự của khoản vay này là: 666.680 đồng. Với lần vay này X thu lợi bất chính của anh T số tiền 6.533.320 đồng.

**Lần 7:** Ngày 11-9-2023, anh T vay của X số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày tương đương 144%/ 01 năm, cao gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự. Anh T và X thống nhất trả tiền lãi theo tháng, mỗi tháng 1.200.000 đồng. Khi anh T vay tiền thì X đã trừ, thu luôn tiền lãi 1.200.000 đồng và chuyển lại cho anh T 8.800.000 đồng. Từ tháng 9-2023 đến tháng 10-2023, anh T đã trả tiền lãi cho X 01 tháng, được số tiền 1.200.000 đồng, tính cả số tiền X đã trừ, thu lãi ngay từ lúc cho vay thì số tiền lãi X đã thu được của anh T ở khoản vay này là 2.400.000 đồng. Từ tháng 11-2023 đến khi bị phát hiện X và anh T thống nhất, anh T không phải trả tiền lãi hàng tháng nữa mà chỉ trả hết tiền gốc cho X. Tuy nhiên đến nay anh T vẫn chưa trả được khoản tiền vay gốc này cho X. Tổng số tiền lãi hợp pháp anh T phải trả cho X theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự của khoản vay này là: 166.670 đồng. Với lần vay này X thu lợi bất chính của anh T số tiền 2.233.330 đồng.

- **Lần 8:** Ngày 8-11-2023, anh T vay của X số tiền 5.000.000 đồng, với mức lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 144%/1 năm, cao gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự. Anh T và X thống nhất trả tiền lãi theo tháng, mỗi tháng 600.000 đồng. Khi anh T vay tiền thì X đã trừ, thu luôn tiền lãi 600.000 đồng và chuyển lại cho anh T 4.400.000 đồng, ngay sau khi vay tiền lần này thì X và anh T thống nhất anh T không phải trả tiền lãi hàng tháng nữa mà chỉ trả hết tiền gốc cho X. Tuy nhiên đến nay anh T vẫn chưa trả được khoản vay tiền gốc này cho X. Tổng số tiền lãi hợp pháp anh T phải trả cho X theo quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự của khoản vay này là 83.335 đồng, với lần vay này X thu lợi bất chính của anh T số tiền 516.665 đồng.

Tổng số tiền lãi của các lần vay trên X đã thu được của anh T là: 29.400.000 đồng, quá trình thu tiền lãi của anh T thì X đã bớt cho anh T số tiền lãi là 1.000.000 đồng nên tổng số tiền lãi X đã thu được của anh T là 28.400.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính X đã thu được của anh T là: 26.566.295 đồng. Tổng số tiền anh T đã vay của X là 80.000.000 đồng, tuy nhiên tháng 8-2023 anh T đã nhờ anh họ là Lê Văn Đông chuyển khoản trả cho X số tiền 25.000.000 đồng, ngày 14-4-2023 thì anh T đã chuyển khoản trả cho X số tiền 10.000.000 đồng, hiện anh T còn nợ X số tiền 45.000.000 đồng.

Quá trình vay tiền thì anh T đã sử dụng số tài khoản 48610000638040 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển chi nhánh Thành Nam và số tài khoản 1030129547 mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Nam Định mang tên Lê Sơn T để nhận tiền vay của X. Còn Đỗ Tiến D thì sử dụng tài khoản ngân hàng số 0899830938 mang tên Đỗ Tiến D để nhận tiền vay của X, có lần anh D đến trực tiếp nhà X để vay tiền mặt. Quá trình trả tiền lãi hàng tháng thì anh D và anh T đều trả tiền lãi cho X qua tài khoản ngân hàng của X số: 626286888888 mang tên Nguyễn Văn X mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh tỉnh Nam Định, có khi anh D đến trực tiếp nhà X để trả tiền mặt.

Ngày 06-3-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn X tại thôn Cựu Hào, xã Vĩnh Hảo, huyện V, tỉnh Nam Định tuy nhiên không phát hiện, thu giữ đồ vật gì.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn X đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên đồng thời tự giác giao nộp chứng từ sao kê tài khoản Ngân hàng số 626286888888 mang tên Nguyễn Văn X mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh tỉnh Nam Định từ tháng 6-2022 đến tháng 12-2023, có liên quan đến việc giao dịch cho vay tiền lấy lãi của X.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSVB ngày 21-5-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn X về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ lời khai, bản tường trình của bị cáo có trong hồ sơ là đúng và không bổ sung gì; Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về điều luật: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn X phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn X từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày tạm giữ (từ ngày 06-3-2024 đến ngày 12-3-2024) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn X từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Buộc: Nguyễn Văn X phải nộp lại số tiền 35.000.000 đồng và số tiền 5.434.000 đồng, tổng cộng X phải nộp lại 40.434.000 đồng. Đỗ Tiến D phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng; Lê Sơn T phải nộp lại số tiền 45.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc Nguyễn Văn X phải trả lại cho Đỗ Tiến D số tiền 20.700.000 đồng, trả lại cho Lê Sơn T số tiền 26.566.000 đồng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Vật chứng đã thu giữ; Kết luận giám định; lời khai của bị cáo; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng tại cơ quan điều tra... Nên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6-2022 đến tháng 12-2023, Nguyễn Văn X đã cho các anh Đỗ Tiến D và Lê Sơn T vay tiền nhiều lần trong đó anh D vay 02 lần, anh T vay 8 lần với tổng số tiền là 90.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 4.000 đồng đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày

(tương đương 144% đến 180%/1 năm) cao gấp từ 7,2 lần đến 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính. Tính đến thời điểm các bên thoả thuận không trả lãi nữa là tháng 12 năm 2023 thì tổng số tiền lãi mà X đã thu được của hai anh D và T là 51.500.000 đồng, trừ đi số tiền lãi hợp pháp mà X phải trả cho các anh T, D theo quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự, thì tổng số tiền X thu lợi bất chính của hai anh D và T là 47.266.295 đồng, trong đó của anh Đỗ Tiến D là 20.700.000 đồng (hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng), của anh Lê Sơn T là 26.566.295 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng).

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố và luận tội hành vi của bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng; bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự cũng như năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện việc phạm tội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và động cơ mục đích phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét thấy tội phạm mà bị cáo đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, vì vậy cần áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo vì bị cáo là lao động tự do.

Ngoài hình phạt chính, áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự; phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[6] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Đối với số tiền gốc bị cáo sử dụng để cho vay là phương tiện phạm tội do đó cần buộc: Nguyễn Văn X phải nộp lại số tiền 35.000.000 đồng. Đỗ Tiến D phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng; Lê Sơn T phải nộp lại số tiền 45.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi 5.434.000 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự, tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm do đó buộc Nguyễn Văn X phải nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc Nguyễn Văn X phải trả lại cho Đỗ Tiến D số tiền 20.700.000 đồng, trả lại cho Lê Sơn T số tiền 26.566.000 đồng, đây là số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp từ hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 36 Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn X phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 06 ngày tạm giữ (từ ngày 06-3-2024 đến ngày 12-3-2024) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành bản án và bản án.

3. Biện pháp tư pháp:

- Buộc: Nguyễn Văn X phải nộp lại số tiền 35.000.000 đồng và số tiền 5.434.000 đồng, tổng cộng X phải nộp lại 40.434.000 đồng. Đỗ Tiến D phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng; Lê Sơn T phải nộp lại số tiền 45.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc Nguyễn Văn X phải trả lại cho Đỗ Tiến D số tiền 20.700.000 đồng, trả lại cho Lê Sơn T số tiền 26.566.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn X phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. (Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Người có QL,NV liên quan;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh Nam Định;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Vĩnh Hào, huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Gấm**